

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 29-3-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tuấn Tú

Bà Lục Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lan Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 17-02-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-QĐ ngày 15-3-2022; đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 25-11-1994 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Hoàng Thị L; có vợ là Đào Thị T và có 02 con sinh năm 2018, 2019; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 254/2011/HSST ngày 07-11-2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-7-2021 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh ngày 10-12-1993 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Hoàng Thị K và có 02 con sinh năm 2016, 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-7-2021 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22 giờ 40 phút ngày 17-7-2021, lực lượng chức năng đã phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn M chở 05 người Trung Quốc nhằm mục đích xuất cảnh trái phép.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

Nguyễn Văn S là lái xe taxi, khoảng đầu tháng 7 năm 2021, Nguyễn Văn S có đón chở một người đàn ông từ đoạn đường H, thành phố B về gần Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; người này xin số điện thoại và Zalo của Nguyễn Văn S để khi nào đi xe tiếp sẽ gọi.

Khoảng 14 giờ ngày 17-7-2021, Nguyễn Văn S nhận được điện thoại từ số 0347.038.***, người gọi đến tự giới thiệu là khách hôm trước đã đi xe của Nguyễn Văn S về khu vực UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; người này đặt vấn đề thuê Nguyễn Văn S đón 05 người Trung Quốc tại khu vực cầu N, thành phố B để đưa đến khu vực ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; Nguyễn Văn S đồng ý, cả hai thống nhất liên lạc qua zalo. Nguyễn Văn S nhắn tin thì thấy tài khoản Zalo hiện tên “Sóng G”.

Khoảng 16 giờ ngày 17-7-2021, người đàn ông sử dụng số điện thoại 0347.038.*** bảo Nguyễn Văn S chuẩn bị ra cầu N và liên hệ với số điện thoại 0964.557.*** để đón khách. Nguyễn Văn S lái xe ô tô hiệu KIA Cerato biển kiểm soát (BKS) 98A-223.** đến khu vực cầu N và gọi cho số 0964.557.*** thì nghe giọng một người đàn ông. Khoảng 10 phút sau có 1 xe ô tô hiệu INNOVA màu xám (không rõ biển số, không rõ họ tên, địa chỉ người lái xe) chở 05 người khách Trung Quốc đến và đưa lên xe Nguyễn Văn S.

Sau khi khách lên xe, Nguyễn Văn S thông báo cho người đàn ông có số điện thoại 0347.038.*** biết và gửi số tài khoản 43110001097*** của mình mở tại Ngân hàng B cho người này; sau đó tài khoản của Nguyễn Văn S nhận được số tiền 4.000.000 đồng. Người đàn ông sử dụng số điện thoại 0347.038.*** bảo Nguyễn Văn S quay video số người Trung Quốc gửi cho anh ta và dặn khi nào đến Lạng Sơn sẽ có người liên hệ với Nguyễn Văn S để đón khách.

Do xe của Nguyễn Văn S không chở hết được 05 người nên Nguyễn Văn S gọi cho Nguyễn Văn M (cùng là bạn lái xe taxi), bảo Nguyễn Văn M đến khu vực siêu thị B thành phố B để đón khách chở lên thành phố L với tiền công là 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn S không nói cho Nguyễn Văn M biết đây là khách Trung Quốc xuất cảnh trái phép.

Nguyễn Văn M lái xe ô tô hiệu KIA Morning BKS 98A-138.** đến khu vực siêu thị BigC và được Nguyễn Văn S san 03 khách từ xe của Nguyễn Văn S; sau đó cả hai cùng lái xe chở khách lên Lạng Sơn. Trên đường đi Nguyễn Văn M thấy 03 khách nói chuyện với nhau bằng tiếng Trung Quốc; đến thị trấn V hai xe

rẽ vào quán ăn tối và Nguyễn Văn M biết Nguyễn Văn S chở 02 khách Trung Quốc.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày có số điện thoại 0877.747.*** của một người đàn ông gọi cho Nguyễn Văn S giới thiệu là người đón khách Trung Quốc ở Lạng Sơn và dặn khi nào đưa khách đến ngã tư M thì gọi.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn S điện thoại thông báo cho người đàn ông có số điện thoại 0347.038.*** biết đã đến khu vực M, thành phố L và người này tiếp tục chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn S 12.000.000 đồng tiền công.

Nguyễn Văn S gọi điện thoại thông báo cho người đàn ông có số điện thoại 0877.747.*** là đến khu vực ngã tư M, thành phố L; người này cho biết cứ đợi tại đây sẽ có người đến đón khách. Nguyễn Văn S gọi điện báo Nguyễn Văn M đợi tại chỗ sẽ có người ra đón khách.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, do chưa có người đến đón khách nên Nguyễn Văn M báo Nguyễn Văn S phải trả thêm tiền công chờ. Nguyễn Văn S đã chuyển vào tài khoản cho Nguyễn Văn M 2.000.000 đồng (cả tiền công chờ khách và tiền chờ). Lúc này Nguyễn Văn M nhận thức được những người khách mà Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn S chở đến Lạng Sơn là đề xuất cảnh trái phép về Trung Quốc theo đường mòn.

Đến khoảng 22 giờ 15 phút, người đàn ông có số điện thoại 0915.908.*** điện cho Nguyễn Văn S, báo Nguyễn Văn S di chuyển từ đoạn đèn xanh đèn đỏ ngã tư M rẽ phải đi hết đoạn đường đôi thì ông ta chờ ở đó đón khách ở đó. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn M điều khiển xe đến khu vực thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 24/CT-VKSLS-P2 ngày 14-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn M về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn M phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với số tiền mà các bị cáo được hưởng lợi từ việc phạm tội. Căn cứ khoản 2 Điều 106

của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động do có liên quan đến hành vi phạm tội; trả lại các bị cáo giấy tờ cá nhân và điện thoại Nokia do không liên quan đến hành vi phạm tội; tiêu hủy giấy tờ không còn giá trị sử dụng. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi, ngày 17-7-2021 các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn M đã có hành vi tổ chức cho 05 công dân Trung Quốc xuất cảnh trái phép; khi đang đi đến khu vực thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn M là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới, đặc biệt là trong lúc dịch bệnh Covid-19 gia tăng. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo;

những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Sau khi tiếp nhận thông tin từ người đàn ông sử dụng số điện thoại 0347.038.***, bị cáo Nguyễn Văn S chủ động liên lạc để đón khách tại khu vực cầu N và với người đón khách tại thành phố L; ngoài ra Nguyễn Văn S còn rủ Nguyễn Văn M cùng tham gia chở khách. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Văn S có vai trò chính trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn M có vai trò thứ yếu.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn M là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; đối với bị cáo Nguyễn Văn S, ngày 07-11-2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 12 tháng thử thách về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo đã chấp hành xong Bản án và được xóa án tích theo quy định của pháp luật nhưng điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[7] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, cả 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả 02 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Văn S có ông nội là Nguyễn Văn V được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Văn M đã có thời gian tham gia quân ngũ và có bà nội là Nguyễn Thị B được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Vì vậy, cả 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Từ những phân tích đánh giá trên, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn S không có tài sản riêng, bị cáo Nguyễn Văn M ngoài đứng tên trên nhà đất mà cả gia đình bị cáo đang quản lý sử dụng, bị cáo không có tài sản nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp: Cần phải truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với Nguyễn Văn S là 14.000.000 đồng và Nguyễn Văn M là 2.000.000 đồng vì đây là tiền mà các bị cáo được hưởng lợi từ việc phạm tội.

[11] Về vật chứng: Đối với 02 xe ô tô mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội đã được Cơ quan điều tra trả chủ sở hữu là Công ty Cổ phần S và bà Hoàng Thị L trước khi vụ án được đưa ra xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến. Đối với những tài sản, đồ vật đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Theo Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy: Cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Iphone mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, đối với điện thoại Nokia, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe là tài sản, giấy tờ không liên quan

đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo; riêng đối với 01 Giấy biên nhận giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp giữa Công ty cổ phần S với Ngân hàng V Bắc Giang do không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 05 Công dân Trung Quốc có hành vi xuất cảnh trái phép, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính.

[13] Quá trình điều tra, trên cơ sở lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Công ty viễn thông cung cấp thông tin của những người đăng ký số điện thoại 0347.038.***; 0964.557.***; 0877.747.***; 0915.908.*** và số 0847.460.*** (là những số điện thoại đã liên lạc với Nguyễn Văn S để giao, đón 05 người khách Trung Quốc); đã tiến hành xác minh, ghi lời khai của những người đứng tên các số điện thoại nêu trên. Kết quả, không có căn cứ để xác định những người đứng tên đối với các số điện thoại nói trên có liên quan đến vụ án.

[14] Đối với số tài khoản 15010000897*** đã 02 lần chuyển tổng số tiền là 16.000.000 đồng cho Nguyễn Văn S. Kết quả xác minh: Chủ tài khoản là Lê Cán S, địa chỉ tại tỉnh Hưng Yên, số điện thoại 0583.875.***; anh Lê Cán S khai được một người sử dụng tài khoản facebook tên “Thanh T” (không biết họ tên, địa chỉ) thuê mở tài khoản tại ngân hàng B tiền công là 500.000 đồng; sau khi mở xong tài khoản thì người sử dụng tài khoản facebook tên “Thanh T” không trả tiền và không liên lạc lại; thực tế anh Lê Cán S không sử dụng số tài khoản này; kết quả xác minh số điện thoại: 0583.875.*** không có thông tin chủ thuê bao; Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Văn S nhận dạng đối với Lê Cán S, kết quả Nguyễn Văn S không nhận ra Lê Cán S. Do vậy không có căn cứ chứng minh Lê Cán S liên quan trong vụ án.

[15] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[16] Xét ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2,3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 18-7-2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 18-7-2021.

3. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng và truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn M số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng; sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng

4.1. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng, đã qua sử dụng, số IMEI1 356170092958025, số IMEI2 356170092756262, bên trong lắp 01 sim Viettel; thu giữ của Nguyễn Văn S;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI1 353341073654858, bên trong lắp 01 sim Viettel; thu giữ của Nguyễn Văn M;

4.2 Tịch thu tiêu hủy Giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp giữa Công ty Cổ phần vận tải S với Ngân hàng V Bắc Giang số 98A-138** ngày 30-6-2021.

4.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S:

- 01 chứng minh nhân dân số 122116022 mang tên Nguyễn Văn S do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13-10-2016;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số seri 1: 355752109151164; số seri2: 357705101151168; bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 sim Vinaphone.

4.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M:

- 01 chứng minh nhân dân số 122139035 mang tên Nguyễn Văn M do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 01-4-2011;

- 01 giấy phép lái xe số 24014769524 mang tên Nguyễn Văn M, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19-5-2020.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15-02-2022).

5. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy

